

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 20- 05- 2021
“V/v: T/c hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Đào
2. Bà Cao Thị Hồng Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 544/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: 266 – 268 N, Quận A, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Đình V – Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 137 L, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Mạnh C – Chức vụ: Phó phòng phụ trách Phòng giao dịch Nguyễn Tất Thành - Ngân hàng TMCP S (Giấy ủy quyền số 30/2021/GUQ-CNDL ngày 17/5/2021) - Có mặt

Địa chỉ: 242C – 242D N, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 25/8/2016, Ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H có

ký hợp đồng tín dụng số: LD 1622800157 với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là ngân hàng) vay số tiền 250.000.000 đồng, dư nợ là 150.000.000 đồng, lãi suất vay: 11.5%/ năm tại thời điểm ký hợp đồng và nhận nợ, thời hạn vay: 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 26/8/2021. Ngày 10/8/2018, Ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H ký hợp đồng tín dụng số: LD 1821100237 với Ngân hàng TMCP S vay số tiền 100.000.000 đồng, dư nợ là 100.000.000 đồng, lãi suất vay: 11%/ năm tại thời điểm ký hợp đồng và nhận nợ, thời hạn vay: 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 11/8/2019. Số tiền vay của ông T1, bà H đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 12/8/2019. Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 19/5/2021 ông T1, bà H nợ ngân hàng là 353.306.144 đồng (trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng, lãi trong hạn 77.283.348 đồng, lãi quá hạn 26.022.796 đồng). Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa đất số 144, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất xã Q, diện tích 5510 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 756388 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25/3/2015 cấp cho ông Lương Văn T1, từ khi vay cho đến nay ông Lương Văn T1, bà Phạm Thị H chưa trả được cho Ngân hàng nợ gốc cũng như lãi. Như vậy Ông T1 bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 19/5/2021 là 353.306.144 đồng (trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng, lãi trong hạn 77.283.348 đồng, lãi quá hạn 26.022.796 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 20/5/2021, theo hợp đồng tín dụng số: LD 1622800157 và hợp đồng tín dụng số: LD 1821100237 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông T1, bà H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ đề nghị phát mãi tài sản mà ông, bà đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H đều vắng mặt không có lý do; vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: **Áp dụng các** Điều 463; Điều 464; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Lương Văn T1, bà Phạm Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng

TMCP S tính đến ngày 19/5/2021 là 353.306.144 đồng (trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng, lãi trong hạn 77.283.348 đồng, lãi quá hạn 26.022.796 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 20/5/2021, theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông T1, bà H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản mà ông T1, bà H đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ

Về án phí: Ông T1, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Lương Văn T1, Phạm Thị H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 25/8/2016, Ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H có ký hợp đồng tín dụng số: LD 1622800157 với Ngân hàng TMCP S vay số tiền 250.000.000 đồng, dư nợ là 150.000.000 đồng, lãi suất vay: 11.5%/ năm tại thời điểm ký hợp đồng và nhận nợ, thời hạn vay: 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 26/8/2021. Ngày 10/8/2018, Ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H ký hợp đồng tín dụng số: LD 1821100237 với Ngân hàng TMCP S vay số tiền 100.000.000 đồng, dư nợ là 100.000.000 đồng, lãi suất vay: 11%/ năm tại thời điểm ký hợp đồng và nhận nợ, thời hạn vay: 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 11/8/2019. Số tiền vay của ông T1, bà H đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 12/8/2019. Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 19/5/2021 ông T1, bà H nợ ngân hàng là 353.306.144 đồng (trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng, lãi trong hạn 77.283.348 đồng, lãi quá hạn 26.022.796 đồng). Từ ngày vay cho đến kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H chưa trả nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận cho Ngân hàng.

Xét hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, việc ông Lương Văn T1, bà Phạm Thị H không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu bên vay trả toàn bộ số nợ đã vay. Do đó, cần buộc ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H trả nợ toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự.

Cụ thể: Tính đến ngày 19/5/2021 ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền 353.306.144 đồng, trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 77.283.348 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.022.796 đồng và phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/5/2021 cho đến khi ông T1 và bà H trả xong nợ.

[3.2] Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H ký kết hợp đồng thế chấp số 0403/2016/TC/NTT ngày 26/8/2016 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02 ngày 10/8/2018 với Ngân hàng để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ 28, diện tích 5510 m² tại xã Q, huyện C, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756388 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/3/2015 cho ông Lương Văn T1.

Trong trường hợp ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0403/2016/TC/NTT ngày 26/8/2016 đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ 28, diện tích 5510 m² tại xã Q, huyện C, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756388 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/3/2015 cho ông Lương Văn T1.

Trường hợp ông Lương Văn T1, bà Phạm Thị H trả xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756388 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/3/2015 cho ông Lương Văn T1.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu xem xét thẩm định của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Lương Văn T1 và Phạm Thị H phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 1.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định sau khi thu được từ ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả. Cụ thể: 353.306.144 đồng x 5% = 17.665.500 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 353.306.144 đồng (trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 77.283.348 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.022.796 đồng) và phải chịu lãi suất phát sinh từ ngày 20/5/2021 theo hợp đồng tín dụng số: LD 1622800157 ngày 25/8/2016 và hợp đồng tín dụng số: LD 1821100237 ngày 10/8/2018 cho đến khi ông T1 và bà H trả xong nợ.

Khi ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H trả xong nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756388 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/3/2015 cho ông Lương Văn T1.

Trong trường hợp ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0403/2016/TC/NTT ngày 26/8/2016 đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ 28, diện tích 5510 m² tại xã Q, huyện C, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756388 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/3/2015 cho ông Lương Văn T1 và toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại 1.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H.

Về án phí: Ông Lương Văn T1 và bà Phạm Thị H phải chịu 17.665.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.847.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0016386 ngày 03/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKS huyện C;
- T.H.A Dân sự huyện C ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; lưu VP.

Đỗ Văn Tha